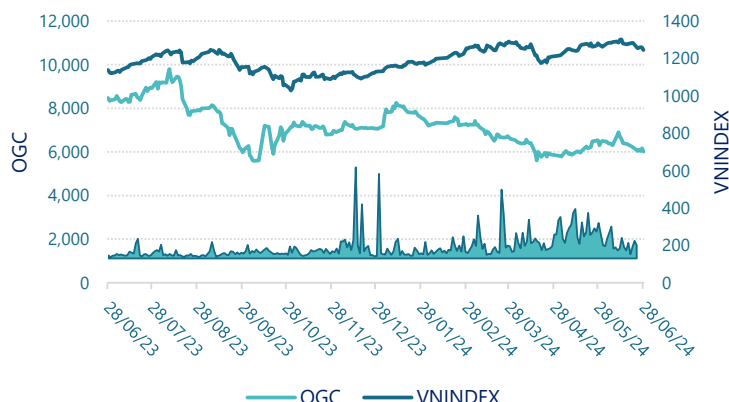


CTCP Tập đoàn Đại Dương (HSX: OGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	6,010
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,590
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	411,770
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,803
P/E	22.5
EPS	267

DT thuần

Q2/24

164

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0 | 36.8%

YoY: ▲ 15.0 | 10.1%

LN sau thuế

Q2/24

-19.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.4 | 35.1%

YoY: ▼ 74.7 | -135%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

7.2%

+/- YoY: ▼ 20.5%

DT thuần

6T 2024

284

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00 | 1.1%

LN sau thuế

6T 2024

-48.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 92.9 | -211%

ROE

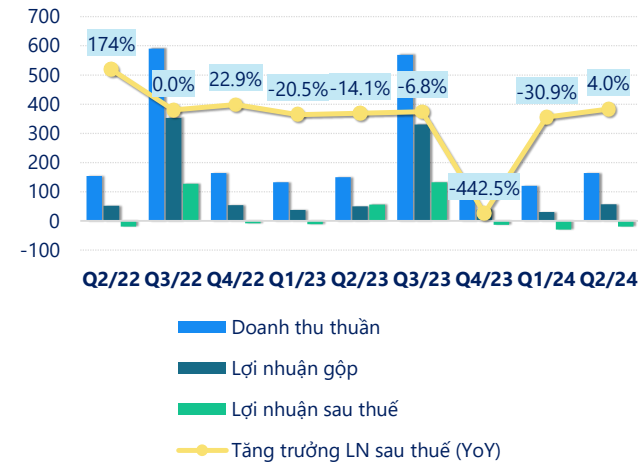
Q2/24

6.1%

+/- YoY: ▼ 4.0%

tỷ VNĐ

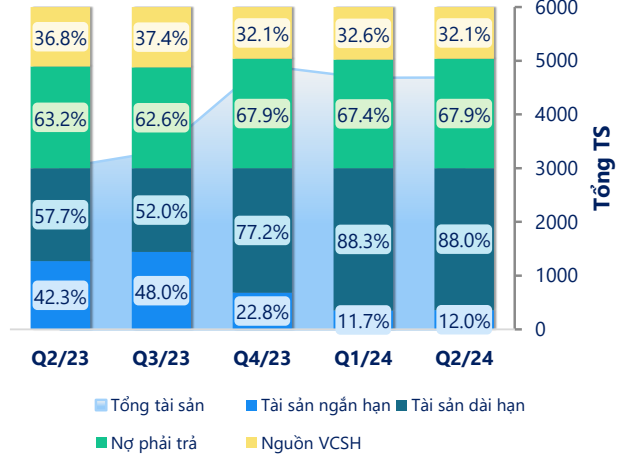
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

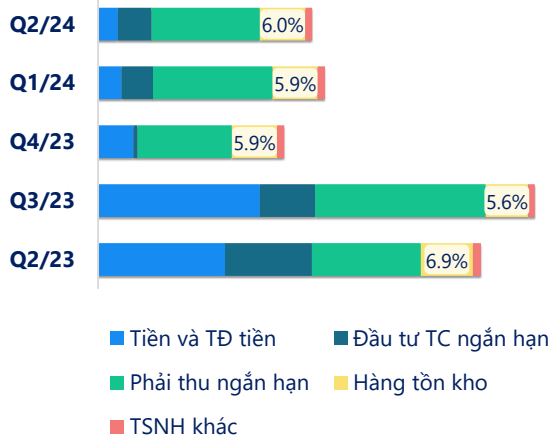
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



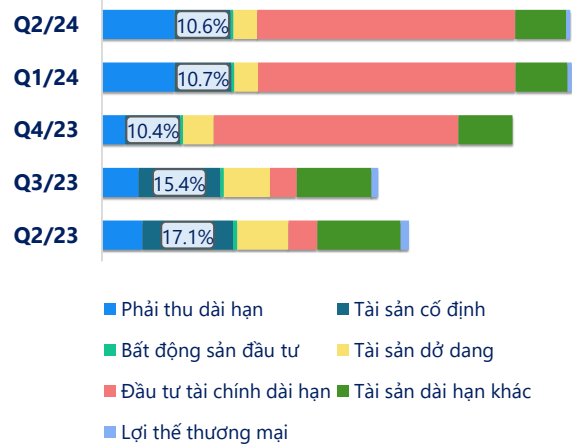
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

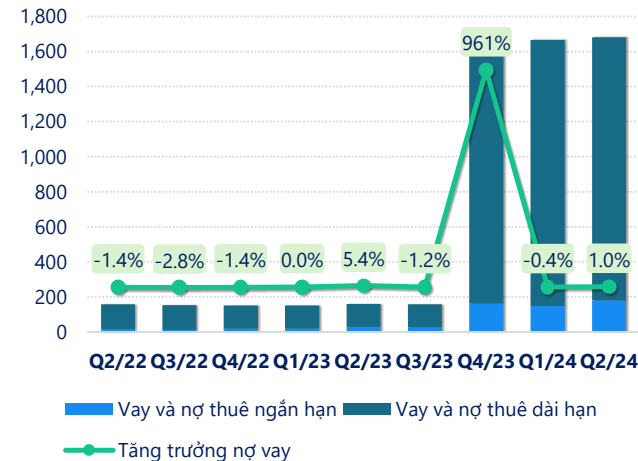
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

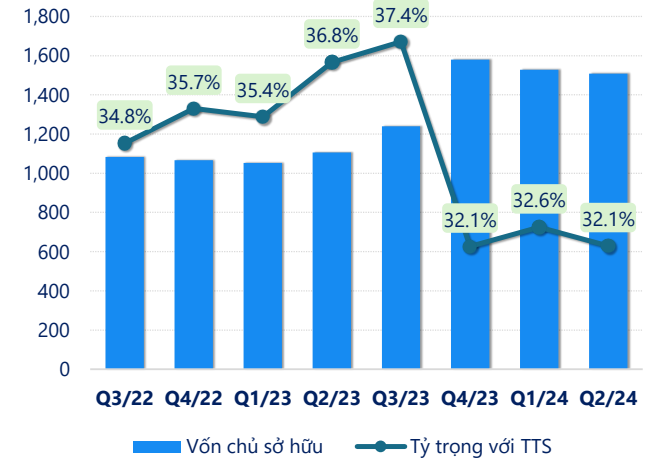
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

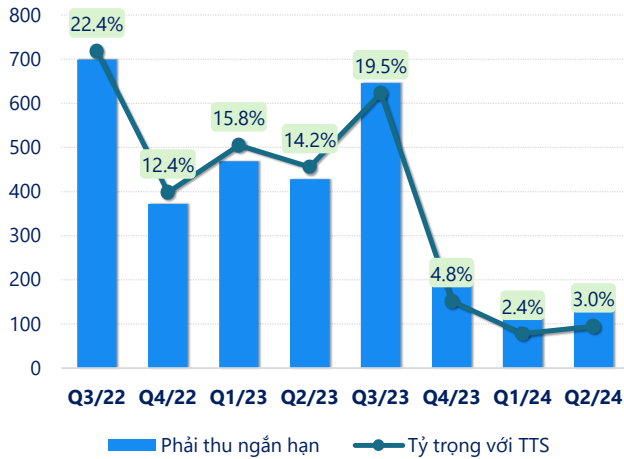
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



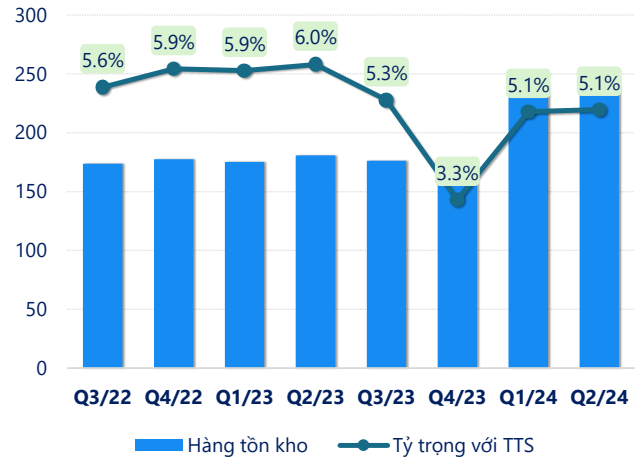
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


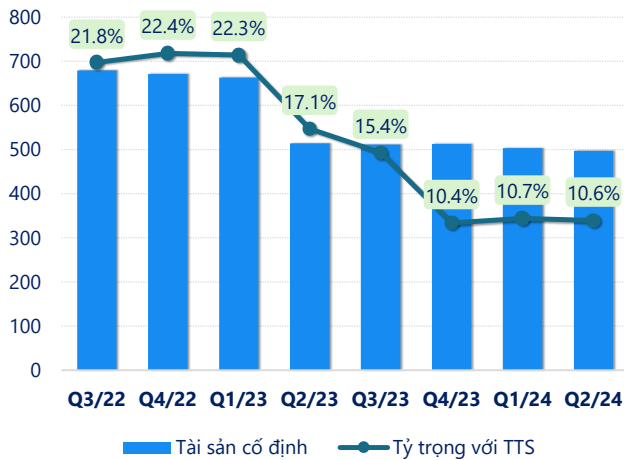
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


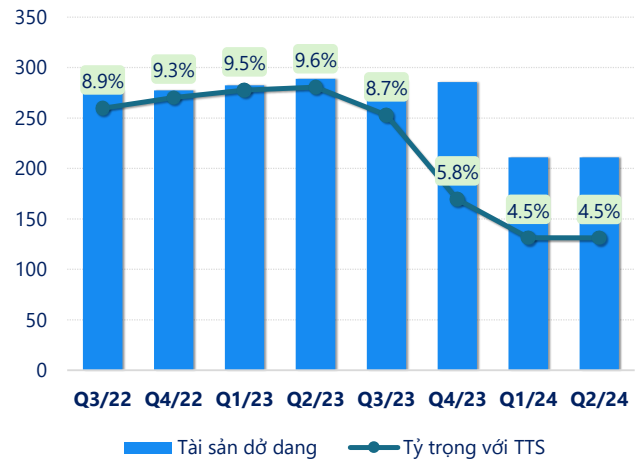
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

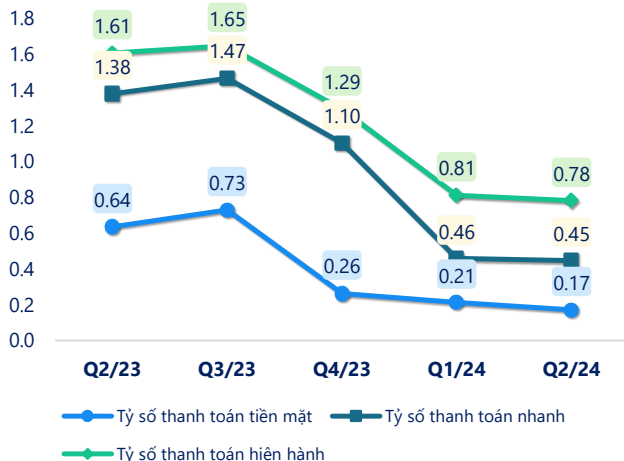
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	3,004	3,317	4,915	4,682	4,690
Tài sản ngắn hạn	1,270	1,593	1,119	547	561
Tiền và tương đương tiền	502	706	228	143	123
Đầu tư tài chính ngắn hạn	133	39.0	466	21.8	29.6
Phải thu ngắn hạn	428	646	234	114	139
Hàng tồn kho	181	176	164	238	240
Tài sản ngắn hạn khác	26.7	26.4	27.7	29.7	28.7
Tài sản dài hạn	1,733	1,724	3,795	4,136	4,130
Phải thu dài hạn	227	227	213	639	639
Tài sản cố định	514	511	513	503	497
Bất động sản đầu tư	23.0	22.7	22.4	22.1	21.8
Tài sản dở dang	289	287	286	211	211
Đầu tư tài chính dài hạn	164	167	2,260	2,267	2,275
Tài sản dài hạn khác	470	466	501	457	451
Lợi thế thương mại	46.4	42.2	0	36.5	34.6
Nợ phải trả	1,897	2,078	3,335	3,155	3,182
Nợ ngắn hạn	791	967	866	673	717
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.0	25.2	161	148	179
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	90.9	23.3	20.2	21.8
Nợ dài hạn	1,107	1,111	2,469	2,482	2,465
Vay và nợ thuê dài hạn	131	132	1,511	1,517	1,502
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,106	1,239	1,579	1,527	1,508
Vốn chủ sở hữu	1,106	1,239	1,579	1,527	1,508
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)